

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn L, sinh năm 1974; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ C, sinh năm 1968; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: Số 612, đường Tạo Lực 5, ngã H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 và bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày:

Bà L và ông Đỗ C chung sống từ năm 1993, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cần Thơ (nay là xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, cấp ngày 06/03/2001, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông C không chăm lo cuộc sống gia đình. Bà L và

ông C không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đỗ H, sinh năm: 1993 và Đỗ T, sinh năm: 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn: Ông Đỗ C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông C không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông C cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông C không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Nguyễn L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện H, tỉnh Cần Thơ (nay là xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang). Hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà L trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2019 đến nay hai người không còn chung sống và không ai quan tâm đến cuộc

sống của người còn lại. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông C để trả tự do cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông C đến Toà án để hoà giải đoàn tụ nhưng ông C không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại Toà án. Qua đó cho thấy ông C không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà L, ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho bà L ly hôn với ông C.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông C có 02 con chung tên Đỗ H, sinh năm: 1993 và Đỗ T, sinh năm: 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà L yêu cầu ly hôn với ông C, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn L với bị đơn ông Đỗ C về việc: “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn L và ông Đỗ C được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông C có 02 con chung tên Đỗ H, sinh năm: 1993 và Đỗ T, sinh năm: 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0005282 ngày 25/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm Nguyễn Kim Lý

Phạm Thị Xuân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân